TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HSST
Ngày 29 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đỗ Văn Hùng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Thành**

Ông **Nguyễn Thành Vui**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thủy Tiên** – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý 16/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Trần T, Giới tính: Nam, sinh năm 1993, tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 4A, xã Lộc Tấn, huyện N, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965, Mẹ: Trần Thụy H, sinh năm 1965; Bị cáo có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 02/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo về tội: "Cướp giật tài sản". Thời gian thử thách: 36 tháng. Ngày 23/9/2015, bị cáo Nguyễn Trần T bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với bản án ngày 02/4/2014, buộc T phải chấp hành là: 24 tháng đến ngày 28/02/2017 thì chấp hành xong. Chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N từ ngày 13/10/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

** Bị hại:*

Ông Nguyyễn Văn Đ, sinh năm 1966

Bà Lê Thị T2, sinh năm 1963

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp Hưng Thuỷ, xã Lộc T, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

** Người có quyền lợi liên quan:*

Bà Trần Thuỵ H, sinh năm 1965

Hộ khẩu thường trú: Ấp 4A, xã Lộc T, huyện N, tỉnh Bình Phước

Nghề nghiệp: Y tá

Có mặt tại phiên tòa

**Người làm chứng:*

Nguyễn Chí Th, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Ấp Hưng Thuỷ, xã Lộc Th, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 13/10/2018, Nguyễn Trần T điều khiển xe mô tô Wave Blade biển số: 93F1 – 31046 từ nhà thuộc ấp 4A, xã Lộc T, huyện N theo đường Quốc lộ 13 đến xã Lộc T để gặp ông Năm (chưa xác định nhân thân, lai lịch) để mượn tiền. Khi đến nhà ông Nguyễn Văn Đ thuộc ấp Hưng Thủy, xã Lộc T thì T nảy sinh ý định lừa chiếm đoạt tài sản. T quay đầu xe ra phía ngoài đường dựng trước cửa nhà. T vào gặp ông Đ hỏi ông Đ có nhận ra T không. Ông Đ nói không. Lúc này có vợ ông Đ là bà Lê Thị T2 về nhà, T nói đi mời đám cưới con của ông bà Đ và nói muốn đổi tiền, T giả vờ rút tờ tiền 100.000 đồng trong túi ra mục đích để vợ chồng ông Đ tin là T có tiền. Bà T2 tưởng thật nên rút 05 tờ polime mệnh giá 100.000 đồng đưa cho T, T nói đưa thêm 200.000 đồng, bà T2 lấy 02 tờ polime mệnh giá 100.000 đồng. Tổng cộng bà T2 đưa cho T: 700.000 đồng (07 tờ Polime mệnh giá: 100.000 đồng). T cầm 500.000 đồng bỏ vào túi quần, còn 200.000 đồng T cầm trên tay ra xe để tẩu thoát. Lúc này bà T2 la lên: "Sao đổi tiền không đưa tiền lại cho tao". T nói ra xe lấy và mở cốp xe giả vờ lấy tiền. Sau đó T lấy trong cốp xe 01 dụng cụ tự chế bằng kim loại dài 33 cm, một đầu phát ra tia lửa điện (cây chích điện tự chế) cầm trên tay, rồi nổ máy xe định tẩu thoát. Lúc này, ông Đ dùng hai tay chặn đầu xe lại, yêu cầu T trả tiền. T cầm cây điện tự chế chích vào tay ông Đ, ông Đ đẩy ngã xe của T, nghe Tg la anh Nguyễn Chí Th (con ông Đ) ở gần đó chạy đến cùng ông Đ bắt giữ T và trình báo Công an.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô Wave Blade biển số: 93F1 – 31046, 01 cây điện tự chế, 800.000 đồng (trong đó có được niêm phong 700.000 đồng) (Bút lục: 01 – 02; 55 – 60; 64 – 65, 72 – 73).

Tại bản cáo trạng số 17/Ctr – VKSBL ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Nguyễn Trần T về tội: "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo từ **07** đến **08** năm tù.

Quá trình điều tra: Số tiền 700.000 đồng (được niêm phong) thu giữ là tài sản của ông Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên bà Trần Thụy H (mẹ ruột T) đã bồi thường cho vợ chồng ông Đ 700.000 đồng, ông Đ không yêu cầu bồi thường nên số tiền trên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Riêng số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo;

Đối với 01 xe mô tô Wave Blade biển số: 93F1 – 31046 là tài sản của bà H, bà H nhờ T đứng tên trên giấy đăng ký xe, bà H không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bà H ; 01 cây điện tự chế là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà xét xử công khai hôm nay, bị cáo đã hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày

13/10/2018, tại ấp Hưng Thủy, xã Lộc Th, huyện N, Nguyễn Trần T đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 700.000 đồng của ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị T2. Khi bị ông Đ phát hiện yêu cầu trả lại tiền thì T dùng cây điện tự chế tấn công ông Đ nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hành vi của bị cáo là táo bạo, liều lĩnh, xem thường pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến nhân thân và tài sản của cá nhân được luật pháp bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được cướp tài sản là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song do muốn có nhiều tiền để sử dụng ma tuý nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đầu tiên, mục đích của bị cáo là vào nhà bị hại để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau khi lừa được bà T2 đổi cho bị cáo số tiền 700.000 đồng thì bị cáo nói ra xe lấy tiền để trả nhưng thực tế thì bị cáo đã có ý định ra xe tẩu thoát, khi bị cáo ra xe thì ông Đ nghi ngờ và đi theo bị cáo. Khi bị cáo mở cốp xe thì ông Đ không thấy bị cáo lấy tiền mà lấy vật gì đó trong cốp xe và nổ máy xe nên ông Đ ngăn bị cáo lại, bị cáo đã *dùng vũ khí* là cây roi điện tự chế để chích vào tay ông Đ. Hành vi dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã chuyển hóa thành tội cướp tài sản. Như vậy, hành vi của các bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội "*Cướp tài sản"* được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, ngày 02/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt: 18 tháng tù, cho hưởng án treo về tội: "Cướp giật tài sản". Thời gian thử thách: 36 tháng. Ngày 23/9/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với bản án ngày 02/4/2014, buộc T phải chấp hành là 24 tháng tù, đến ngày 28/02/2017 bị cáo chấp hành xong, bị cáo chưa được xoá án tích thì đến ngày 13/10/2018 lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, tích cực hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N trong việc phát hiện và triệt phá thành công hiềm nghi về người mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tang vật của vụ án: Đối với 01 xe mô tô Wave Blade biển số: 93F1 – 31046 là tài sản của bà H, bà H nhờ T đứng tên trên giấy đăng ký xe, bà H không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bà H.

Đối với cây roi điện tự chế là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà H là mẹ ruột của bị cáo đã bồi thường cho ông Đ số tiền 700.000 đồng, ông Đ không có yêu cầu gì thêm. Bà H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mà bà H đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 700.000 đồng (được niêm phong) thu giữ là tài sản của ông Nguyễn Văn Đ. Bà Trần Thụy H (mẹ ruột T) đã bồi thường cho vợ chồng ông Đ 700.000 đồng, ông Đ không yêu cầu bồi thường nên số tiền trên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần T phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần T **07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2018.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra

3/ Về tang vật của vụ án: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bà Trần Thuy H 01 xe honda Wave Blade biển số: 93F1 – 31046.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây điện tự chế.

Số tang vật trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 0006597 ngày 05/3/2019.

Trả lại bị cáo số tiền 100.000 đồng

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 700.000 đồng.

Tất cả số tiền trên kèm theo hồ sơ vụ án.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo, bị hại, người liên quan
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng